CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 807/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Mường La**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Sân Bay**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 21/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 820/BB ngày 05 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **05 - 06/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	42.36	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	7.13	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	0.24	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	5	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	4.61	1000	TCVN 6197:1996

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

M.S.D.N: 5500154849 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA - TP. SƠN LA - T. SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.22/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước thải sau xử lý Trạm Sân Bay – CNCN Mường La**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH *(Lod: 0,0007)*	**0,1**	TCCS HD – 03/01
2	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH *(Lod:0,00057)*	**0,01**	TCCS HD – 04/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH *(Lod: 0,004)*	**0,5**	TCCS HD – 02/01
4	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH *(Lod: 0,00054)*	**0,1**	TCCS HD – 02/01
5	Crom (III) (*)	mg/l	<0,02	**1**	SMEWW 3111B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	**2**	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	0,122	**3**	TCCS HD – 01/01
8	Mangan (Mn)	mg/l	0,21	**1**	TCCS HD – 01/01
9	Nhiệt độ	°C	19	**40**	TCVN 4557:1988
10	COD (*)	mg/l	7	**150**	SMEWW 5220 D : 2017

11	BOD_5 (*)	mg/l	4	**50**	TCVN 6001-1:2008
12	Xianua (CN^-) (*)	mg/l	0,001	**0,1**	SMEWW 4500 CN – C&E:2017
13	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/l	0,99	**10**	SMEWW 5520F : 2017
14	Amoni (NH_4^+) (*)	mg/l	0,17	**10**	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
15	Sunfua (S_2^-) (*)	mg/l	0,06	**0,5**	TCVN 6637:2000
16	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	4,2	**40**	TCVN 6638:2000
17	Tổng phosphor (TP) (*)	mg/l	0,210	**6**	SMEWW 4500-P.B&E:2017
18	Tổng Coliform (*)	Vi khuẩn/ 100ml	$1,4x10^3$	**5000**	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017
Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 808/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Mường La**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Nà Lốc**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 22/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 821/BB ngày 05 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **05 - 06/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	43.11	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	7.29	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	0.43	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	10	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	3.55	1000	TCVN 6197:1996

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

M.S.D.N: 5500154649 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA TP. SƠN LA - T. SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.21/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước thải sau xử lý Trạm Nà Lốc – CNCN Mường La**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH *(Lod: 0,0007)*	**0,1**	TCCS HD – 03/01
2	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH *(Lod:0,00057)*	**0,01**	TCCS HD – 04/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH *(Lod: 0,004)*	**0,5**	TCCS HD – 02/01
4	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH *(Lod: 0,00054)*	**0,1**	TCCS HD – 02/01
5	Crom (III) (*)	mg/l	< 0,03	**1**	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	**2**	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH *(Lod: 0,035)*	**3**	TCCS HD – 01/01
8	Mangan (Mn)	mg/l	0,283	**1**	TCCS HD – 01/01
9	Nhiệt độ	^oC	18	**40**	TCVN 4557:1988
10	COD (*)	mg/l	12	**150**	SMEWW 5220 D : 2017

11	BOD_5 (*)	mg/l	8	**50**	TCVN 6001-1:2008
12	Xianua (CN^-) (*)	mg/l	0,002	**0,1**	SMEWW 4500 CN – C&E:2017
13	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/l	1,26	**10**	SMEWW 5520F : 2017
14	Amoni (NH_4^+) (*)	mg/l	0,28	**10**	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
15	Sunfua (S_2^-) (*)	mg/l	0,09	**0,5**	TCVN 6637:2000
16	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	3,6	**40**	TCVN 6638:2000
17	Tổng phosphor (TP) (*)	mg/l	0,215	**6**	SMEWW 4500-P.B&E:2017
18	Tổng Coliform (*)	Vi khuẩn/ 100ml	$1,7x10^3$	**5000**	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 809/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Mường La**
Vị trí lấy mẫu : **VT3 - Nước thải tại nguồn tiếp nhận trạm cấp nước Sân Bay**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 23/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 822/BB ngày 05 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **05 - 06/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	7.02	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Nitrit (NO_2 tính theo N)	mg/l	KPH *Lod:0.024*	0.05	TCVN 6178:1996
3	Sắt	mg/l	0.23	0.5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	31	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	6.38	250	TCVN 6197:1996

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

M.S.D.N: 5500154649 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA TP. SƠN LA-T. SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Lod của NO_2 được chuyển tính theo N.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.12.25.20/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu - TP Sơn La - Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước thải nguồn tiếp nhận Trạm Sân Bay - CNCN Mường La**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH *(Lod:0,0007)*	**0,01**	TCCS HD – 03/01
2	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH *(Lod: 0,00054)*	**0,005**	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH *(Lod: 0,004)*	**0,02**	TCCS HD – 02/01
4	Chromi (Cr)	mg/l	KPH *(Lod: 0,0039)*	**0,05**	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr^{+6}) (*)	mg/l	< 0.01	**0,01**	SMEWW 3500-Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH *(Lod: 0,03)*	**0,1**	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	0.455	**0,5**	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	< 0,0039	**0,1**	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH *(Lod:0,00057)*	**0,001**	TCCS HD – 04/01
10	$BOD_5(20^0)$ (*)	mg/l	2	**≤ 6**	TCVN 6001-1:2008
11	COD (*)	mg/l	6	**≤ 15**	SMEWW 5220C : 2017

12	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	6,22	**≥ 5,0**	TCVN 7325:2004
13	Amoni (NH_4^+) (tính theo N) (*)	mg/l	0,14	**0,3**	SMEWW 4500-NH_3 B&F : 2017
14	Florua(F^-) (*)	mg/l	0,172	**1**	SMEWW 4500- F^- B&D : 2017
15	Xyanua(CN^-) (*)	mg/l	< 0,001	**0,01**	SMEWW 4500-CN –E.F : 2017
16	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	0,96	**5,0**	SMEWW 5520B:2017
17	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	< 0,1	**≤ 0,3**	SMEWW 4500-P^-..E : 2017
18	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	KPH	**20**	TCVN 6187-1:2019
19	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	$7,5x10^2$	**≤ 5000**	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	**Phạm Văn Thế**	**Đỗ Mạnh Thắng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017
Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 810/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Mường La**
Vị trí lấy mẫu : **VT3 - Nước thải tại nguồn tiếp nhận trạm cấp nước Nà Lốc**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 24/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 823/BB ngày 05 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **05 - 06/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	7.18	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Nitrit (NO_2 tính theo N)	mg/l	KPH *Lod:0.024*	0.05	TCVN 6178:1996
3	Sắt	mg/l	0.39	0.5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	11	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	5.32	250	TCVN 6197:1996

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Lod của NO_2 được chuyển tính theo N.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.12.25.19/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu - TP Sơn La - Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước thải nguồn tiếp nhận Trạm Nà Lốc - CNCN Mường La**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH *(Lod:0,0007)*	**0,01**	TCCS HD – 03/01
2	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH *(Lod: 0,00054)*	**0,005**	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH *(Lod: 0,004)*	**0,02**	TCCS HD – 02/01
4	Chromi (Cr)	mg/l	KPH *(Lod: 0,0039)*	**0,05**	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr^{+6}) (*)	mg/l	<0,003	**0,01**	SMEWW 3500-Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	**0,1**	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	0,432	**0,5**	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	< 0,0039	**0,1**	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH *(Lod:0,00057)*	**0,001**	TCCS HD – 04/01
10	$BOD_5(20^0)$ (*)	mg/l	3	**≤ 6**	TCVN 6001-1:2008
11	COD (*)	mg/l	7	**≤ 15**	SMEWW 5220C : 2017

12	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	6,73	**≥ 5,0**	TCVN 7325:2004
13	Amoni (NH_4^+) (tính theo N) (*)	mg/l	0,19	**0,3**	SMEWW 4500-NH_3 B&F : 2017
14	Florua(F^-) (*)	mg/l	0,163	**1**	SMEWW 4500- F^- B&D : 2017
15	Xyanua(CN^-) (*)	mg/l	< 0,001	**0,01**	SMEWW 4500-CN–E.F : 2017
16	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	1,03	**5,0**	SMEWW 5520B:2017
17	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	< 0,1	**≤ 0,3**	SMEWW 4500-P^-..E : 2017
18	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	KPH	**20**	TCVN 6187-1:2019
19	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	$9,7x10^2$	**≤ 5000**	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017
Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 851/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Phù Yên**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Nà Xá**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 65/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 864/BB ngày 18 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **18/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chất lơ lửng TSS	mg/l	25	100	TCVN 6625:2000

Sơn La, ngày 21 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 852/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Thuận Châu**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Chiềng Ly**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 66/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 865/BB ngày 18 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **18/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chất lơ lửng TSS	mg/l	20	100	TCVN 6625:2000

Sơn La, ngày 21 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
M.S.D.N: 5500154649 - C.T.C.P
TP. SƠN LA - T. SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 853/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Mộc Châu**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Bưu Điện**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 67/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 866/BB ngày 18 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **18/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chất lơ lửng TSS	mg/l	16	100	TCVN 6625:2000

Sơn La, ngày 21 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

M.S.D.N: 5500154649 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA - TP. SƠN LA - T. SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 854/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Xí nghiệp cấp nước thành phố 2**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Chiềng Sinh**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 68/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 867/BB ngày 18 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **18/12/2024**

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chất lơ lửng TSS	mg/l	12	100	TCVN 6625:2000

Sơn La, ngày 21 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

M.S.D.N: 5500154649 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA TP. SƠN LA - T. SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017
Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 855/2024

Tên đơn vị yêu cầu : **Chi nhánh cấp nước Sông Mã**
Vị trí lấy mẫu : **VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Sông Mã**
Loại mẫu : **Nước thải công nghiệp - Mã số 69/T12/2024**
Số lượng mẫu : **01**
Biên bản giao mẫu : **Số 868/BB ngày 18 tháng 12 năm 2024**
Ngày phân tích : **18/12/2024**

AOSC VLAT 1.0206 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chất lơ lửng TSS	mg/l	44	100	TCVN 6625:2000

Sơn La, ngày 21 tháng 12 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích	Kiểm soát	P. Tổng giám đốc
Nguyễn Hoàng Lân	Đỗ Quang Phượng	Phạm Ngọc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.*
- *Mẫu do đơn vị gửi đến.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.23/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Viện 6 – XNTP Số 2**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	3,15	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	10,9	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	13,54	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,47	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,25	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	4,63	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	2,161	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	14,58	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	3,41	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	2,73	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,043	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,026	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.24/TN

01 Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

02 Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**

03 Loại mẫu : **Bùn thải Trạm cấp nước Km 10 – XNTP Số 2**

04 Số lượng mẫu : **01**

05 Biên bản giao mẫu : **Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	1,18	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	7,9	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	13,24	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,053	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,020	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	2,64	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,319	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	12,46	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	2,38	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	1,35	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,032	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,009	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	**Phạm Văn Thế**	**Đỗ Mạnh Thắng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.25/TN

01 Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

02 Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**

03 Loại mẫu : **Bùn thải Trạm cấp nước Chiềng Sinh – XNTP Số 2**

04 Số lượng mẫu : **01**

05 Biên bản giao mẫu : **Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,51	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	11,1	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	11,62	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,076	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,056	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	2,16	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	2,134	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	11,06	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	0,94	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,48	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,022	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,018	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	**Phạm Văn Thế**	**Đỗ Mạnh Thắng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.26/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Cò Nòi – XNCN Mai Sơn**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,09	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	10,6	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	11,37	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,27	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,089	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	2,44	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,583	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	14,36	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	1,34	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,76	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,010	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,012	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.27/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Nà Sản – XNCN Mai Sơn**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,12	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	9,3	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	10,84	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,052	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,20	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	2,86	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,437	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	15,06	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	1,37	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	2,67	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,087	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,031	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	**Phạm Văn Thế**	**Đỗ Mạnh Thắng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.26/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước 19/5 – XNCN Mai Sơn**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,15	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	9,2	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	11,23	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,062	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,021	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	3,56	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,625	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	11,43	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	0,68	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,30	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,008	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,014	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.29/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Bình Minh – XNCN Mai Sơn**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	1,46	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	8,4	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	10,79	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,16	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,039	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	3,05	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,615	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	12,28	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	1,32	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,46	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,053	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,020	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.30/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Suối Sập – CNCN Yên Châu**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,77	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	6,3	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	11,68	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,31	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,27	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	3,50	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,673	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	13,41	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	1,26	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	3,84	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,026	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,038	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.31/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Bắt Đông – CNCN Yên Châu**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,32	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	10,3	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	14,74	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,092	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,23	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	3,45	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	2,252	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	12,36	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	0,68	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,27	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,020	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,026	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	**Phạm Văn Thế**	**Đỗ Mạnh Thắng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.32/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Suối Ngọt – CNCN Phù Yên**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	2,07	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	8,8	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	12,56	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,23	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,095	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	4,16	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,748	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	14,12	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	2,63	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	3,75	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,060	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,024	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	**Phạm Văn Thế**	**Đỗ Mạnh Thắng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.33/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Phiêng Ban – CNCN Bắc Yên**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	1,03	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	5,9	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	11,42	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,082	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,022	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	2,94	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,528	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	11,75	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	0,49	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,33	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,016	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	<0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,011	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.24.34/TN

01 Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

02 Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**

03 Loại mẫu : **Bùn thải Trạm cấp nước Sân Bay – CNCN Mường La**

04 Số lượng mẫu : **01**

05 Biên bản giao mẫu : **Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	3,46	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	11,5	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	12,43	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,088	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,026	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	3,47	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,579	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	10,23	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	2,14	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,30	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,013	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,019	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.35/TN

01 Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

02 Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**

03 Loại mẫu : **Bùn thải Trạm cấp nước Mường Giàng – CNCN Quỳnh Nhai**

04 Số lượng mẫu : **01**

05 Biên bản giao mẫu : **Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	1,10	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	5,5	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	11,56	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,24	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,16	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	3,08	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	2,507	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	11,34	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	0,40	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,56	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

11	Thủy ngân (Hg) (*)	ppm	0,019	**4**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr6+)(*)	ppm	< 0,3	**100**	US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A
13	Xyanua (CN) (*)	ppm	< 3,0	**590**	EPA Method 9010+ EPA Method 9013A + EPA Method 9014
14	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	ppm	0,014	**1000**	US EPA Method 1311+ SMEWW 5520 B&F: 1017
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	ppm	< 0,005	**20000**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
16	Benzen (*)	ppm	< 0,001	**10**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thử nghiệm viên	Kiểm soát	Giám đốc
Là Văn Khải	Phạm Văn Thế	Đỗ Mạnh Thắng

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.12.25.36/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Bùn thải Trạm cấp nước Chiềng Pấc – CNCN Thuận Châu**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Số 2024.12.06/BBGM. Ngày 06 tháng 12 năm 2024**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT *Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	ppm	1,56	**40**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	11,2	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	12,23	**2000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,046	**100**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,035	**10**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	2,37	**300**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	1,546	**1600**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	12,14	**5000**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	0,78	**1400**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	0,39	**20**	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017